TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lệ
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Đức Đẹp
  Ông Trần Huy Liên
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Như Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 176/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXX-ST ngày 9 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc H- Sinh năm 1977.

Trú tại: Thôn P, xã P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim C- Sinh năm 1975

Trú tại: Tổ 9 thôn V, xã VL, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn, ông Trần Ngọc H trình bày*: Ông và bà Nguyễn Thị Kim C tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình C sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng không còn quan tâm, tin tưởng nhau. Ông và bà C đã nhiều lần nói chuyện với nhau để tìm cách hàn gắn hạnh phúc gia đình, hai bên nội ngoại cũng khuyên nhủ nhưng không mang lại kết quả như mong muốn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng mạnh ai người nấy sống, C sống với nhau với nhau chỉ còn trên danh nghĩa. Nhận thấy không còn tình cảm gì đối với bà C nên ông yêu cầu được ly hôn.

- Về con C: Ông và bà C có một con C là Trần Ngọc Phương L, sinh ngày 11/9/2008. Ông đề nghị giao con C cho bà C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do điều kiện kinh tế còn khó khăn, ông xin được tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi bà C có yêu cầu.

- Về tài sản C: Không yêu cầu tòa án giải quyết

- Về nợ C: Không có

* Bị đơn, bà Nguyễn Thị Kim C vắng mặt nên tòa án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1]. *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị Kim C đến tham gia phiên tòa, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm (lần 2), bà C vẫn vắng mặt. Ngày 24/7/2019, nguyên đơn, ông Trần Ngọc H có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2]. *Về nội dung*: Ông Trần Ngọc H và bà Nguyễn Thị Kim C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/7/2008. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông H xin ly hôn với lý do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, bản thân không còn tình cảm gì với bà C.

Phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang kết luận, có đủ cơ sở để tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến tòa án để làm việc, ghi nhận ý kiến của bị đơn về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, đến thời điểm này bị đơn vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà C đã trở nên trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông H xin ly hôn bà C là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con C:* Ông H xác định ông và bà C có một con C là Trần Ngọc Phương L, sinh ngày 11/9/2008. Hiện cháu L đang ở với mẹ.

Xét bà C là người đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con C và việc giao con C cho bà C trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con C nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, giao con C cho bà C trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H xin được tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chưa đủ khả năng kinh tế. Hội đồng xét xử cũng chưa ghi nhận được ý kiến của bà C về việc có yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hay không nên quyết định, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con C đối với ông Trần Ngọc H. Sau này, trong trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi của con C, các đương

sự có thể khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

[4]. *Về tài sản C*: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Ông Trần Ngọc H phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

* *Tuyên xử*:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ông Trần Ngọc H được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim C

2. Về con C:

Giao con C là Trần Ngọc Phương L, sinh ngày 11/9/2008 cho bà Nguyễn Thị Kim C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con C của ông Trần Ngọc H

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con C, không ai được cản trở

3. Về án phí: Ông Trần Ngọc H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0010690 ngày 18/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- Các đương sự;
- UBND xã V, Tp Nha Trang (số 86 quyển số 1/2008);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ